TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/HC-PT
Ngày 15 - 3 - 2022

V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 241/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2021 về "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1659/QĐ-PT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1964, có mặt;

Trú tại: Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Dương Lê U, Luật sư Công ty Luật hợp danh U, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

* *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là UBND) huyện B, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện;

2. Chủ tịch UBND huyện B;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND huyện B: Ông Lê Hoàng D1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lương Ngọc D2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch và UBND xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn D3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã B1, vắng mặt

2. Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn D4

3. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1960;

4. Anh Lê Văn A2, sinh năm 1993;

5. Chị Lê Thị A3, sinh năm 1991;

6. Bà Lê Thị A4, sinh năm 1952;

7. Bà Lê Thị A5, sinh năm 1956;

8. Bà Lê Thị A6, sinh năm 1960;

9. Bà Lê Thị A7, sinh năm 1962;

10. Bà Lê Thị A8, sinh năm 1966;

Đều trú tại: Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang, ông A2 có mặt, những người khác vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà A1, anh A2, chị A3, bà A4, bà A6, bà A7, bà A8: Ông Lê Văn A.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà A5: Bà Lê Thị A9, sinh năm 1975, có mặt.

11. Ông Lê Văn A10, sinh năm 1957, vắng mặt;

Trú tại: Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang.

** Người kháng cáo:* Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 09/4/2019 UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang ban hành các quyết định, gồm: Quyết định số 1009/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1009) về

việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang (đợt 2); Quyết định số 1010/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1010) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 17/5/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2068/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2068) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Văn A (A), trú tại Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên ông Lê Văn A đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy một phần Quyết định số 1009, một phần Quyết định số 1010, hủy toàn bộ Quyết định số 2068, buộc khôi phục lại nguyên trạng diện tích đất bị thu hồi và bồi thường thiệt hại cho gia đình ông do các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây ra.

** Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Lê Văn A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía ông A cũng như người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bên khởi kiện trình bày:*

Hộ gia đình ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất nông nghiệp ngày 24/6/1999, tổng diện tích là 2.087m^2; thời điểm cấp hộ gia đình ông gồm có các nhân khẩu: Ông; Mẹ ông (bà Thân Thị C); vợ ông (Nguyễn Thị A1); các con ông: Lê Văn A2, Lê Thị A3.

Do mẹ ông đã chết năm 2016, nên diện tích đất của mẹ ông là di sản thừa kế của các hàng thừa kế thứ nhất của bà Thân Thị C, gồm: Ông Lê Văn A, bà Lê Thị A4, bà Lê Thị A5, ông Lê Văn A10, bà Lê Thị A6, bà Lê Thị A7 và bà Lê Thị A8.

Việc thu hồi đất của gia đình ông có nhiều vi phạm, cụ thể: Ngày 20/10/2018 UBND huyện B ban hành thông báo số 378/TB-UBND thu hồi đất để thực hiện dự án, nhưng nội dung thông báo chỉ có thông tin dự kiến thu hồi 17.343,4m^2, của 33 thửa đất thuộc bản đồ trích đo địa chính số 1, tỷ lệ 1/1.000 của dự án; thông báo không kèm theo danh sách chi tiết tên chủ sử dụng đất, diện tích thửa đất, tờ bản đồ số, loại đất dẫn đến gia đình ông không biết được đất của mình có bị thu hồi hay không, diện tích thu hồi bao nhiêu. Sau đó chính quyền địa phương đã tổ chức kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, sau đó mới tổ chức lấy ý kiến (đợt 3) về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng. Tại buổi hội nghị, các hộ dân được phát dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng. Do chưa tin tưởng vào tính pháp lý của dự án, ông đã gửi

văn bản thể hiện ý kiến không đồng ý về dự thảo phương án, ý kiến này đã được chuyển đến UBND xã B1 qua Trưởng thôn, qua Địa chính xã B1 và qua đường Bưu điện; nhưng các ý kiên không được xem xét, giải quyết.

Ngày 04/4/2019, UBND xã B1 ban hành Công văn số 38/UBND-ĐCXD về việc trả lời ý kiến, kiến nghị của công dân; ngay sau đó ngày 09/4/2019 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1009 về việc thu hồi đất để xây dựng dự án (đợt 2); cùng ngày UBND huyện ban hành tiếp Quyết định số 1010 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; sau đó chính quyền địa phương đã phối hợp với các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, vận động người dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Tại buổi vận động, gia đình ông cũng có ý kiến đề nghị chính quyền địa phương giải thích rõ tính pháp lý của dự án, nhưng ý kiến của ông cũng không được xem xét, giải quyết. Do gia đình ông không nhận tiền nên số tiền bồi thường đã nộp vào Kho bạc.

Ngày 06/5/2019, UBND xã B1 ban hành Thông báo số 36/TB-UBND về việc thu dọn tài sản cây cối, hoa màu trên đất để bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện dự án.

Ngày 17/5/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông, cùng ngày, UBND xã B1 ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc thực hiện cưỡng chế, đến ngày 20/5/2019 các cấp chính quyền đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, bảo vệ thi công.

Ông A cho rằng, dự án này có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vì không được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt và cho chuyển mục đích sử dụng đất; về trình tự thực hiện việc thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất có vi phạm nghiêm trọng pháp luật. Hơn nữa, đất của gia đình ông có phần di sản thừa kế của mẹ ông, nhưng chưa được xem xét giải quyết để chia làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu của ông.

** Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang trình bày như sau:*

Gia đình ông Lê Văn A được giao đất năm 1992; tại thời điểm chia ruộng gia đình ông có 04 suất, gồm: Ông Lê Văn A, bà Thân Thị C (mẹ ông chết năm 2016), bà Lê Thị A1 (vợ ông), bà Lê Thị A3 (con); tổng diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông được chia năm 1992 và được cấp GCNQSD đất năm 1999 là 2.087m^2; trong đó thửa đất số 06, tờ bản đồ số 11 có diện tích 368m^2 tại xứ đồng Bờ Lờ, Thôn B2, xã B1 có một phần diện tích nằm trong chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án. Đối với anh Lê Văn A2 (là con ông A) sinh năm 1993, sau thời điểm địa phương tính để chốt nhân khẩu chia ruộng (tháng 10/1992). Do đó anh Lê

Văn A2 không được chia đất nông nghiệp và không là thành viên trong hộ gia đình ông A được cấp GCNQSD đất năm 1999.

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và căn cứ pháp lý ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Thực hiện Quyết định số 783/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016 của UBND huyện B về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: GPMB, đầu tư hạ tầng các khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện năm 2018; Hạng mục: Khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013; Điều 23, 24, 25 Quy định kèm theo Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về một số điểm cụ thể về thu hồi đất; bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện B. UBND huyện đã chỉ đạo xã B1 phối hợp với các đơn vị tư vấn GPMB và các cơ quan chuyên môn có liên quan làm thủ tục thu hồi, bồi thường, GPMB thực hiện dự án khu dân cư mới Thôn B2, xã B1 (đợt 2) với tổng diện tích 8.567,1m^2; trong đó có thu hồi diện tích 244,1m^2 đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất của hộ ông Lê Văn A, tổng kinh phí GPMB gia đình được nhận là 53.018.520đ (được phê duyệt tại Quyết định số 1010). Quá trình tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường GPMB, UBND xã B1 phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức chi trả tiền, đồng thời tổ chức vận động nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo quy định. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Lê Văn A vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện dự án. Do đó, ngày 25/4/2019, chủ đầu tư phối hợp với UBND xã B1, đơn vị tư vấn GPMB tiến hành gửi tiền vào Kho bạc Nhà nước huyện B theo quy định và thông báo cho gia đình ông A biết. Đến ngày 17/5/2019, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 2068 về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ gia đình ông Lê Văn A.

Việc UBND huyện B ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Lê Văn A là đúng trình tự thủ tục theo quy định Luật đất đai năm 2013, Quyết định số 869/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi hiện của ông Lê Văn A.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và UBND xã B1; Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B trình bày:* Thống nhất như ý kiến của Chủ tịch và UBND huyện B đã trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn A10 trình bày:* Ông không liên quan gì đến vụ việc khởi kiện của ông Lê Văn A, nên ông từ chối tham gia tố tụng.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 69; Điều 70; khoản 2 Điều 74; Điều 93 Luật đất đai năm 2013; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc đề nghị:

- Hủy một phần Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang (đợt 2) liên quan đến hộ ông Lê Văn A.

- Hủy một phần Quyết định số 1010/QĐ-UBND, ngày 09/4/2019 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới thông Phúc Long, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang (đợt 2) liên quan đến hộ ông Lê Văn A.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Văn A (A1), trú tại Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Bắc Giang.

- Khôi phục nguyên trạng diện tích đất bị thu hồi và bồi thường thiệt hại cho công dân do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2020 ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn A, hủy một phần Quyết định số 1009, một phần Quyết định số 1010 của UBND huyện B, hủy toàn bộ Quyết định số 2068 của Chủ tịch UBND huyện B. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo:

- Những người kháng cáo thống nhất trình bày: Cấp sơ thẩm giải quyết chưa xem xét hết các quy định của pháp luật, nên ra bản án thiếu căn cứ. Bởi vì, quá trình thu hồi đất gia đình ông Lê Văn A không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi đất; dự án mà UBND huyện B thu hồi đất của dân để triển khai thực hiện không được Hội đồng nhân dân tỉnh

Bắc Giang phê duyệt chấp thuận, phía UBND huyện cho rằng căn cứ vào Nghị quyết số 30/2016 và Nghị quyết số 30/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang là không đúng, vì hai Nghị quyết này rất chung chung. Do đó, người khởi kiện kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện để hủy các Quyết định số 1009, 1010 và 2068 của UBND và Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang.

- UBND huyện B trình bày: Việc phía người khởi kiện cho rằng dự án chưa được chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang là không đúng; việc quy hoạch, đấu giá quyền sử dung đất để thu tiền và được trích lại % cho huyện để xây dựng hệ thống giao thông, các công trình phúc lợi, nên người dân là người được hưởng lợi ích này; đối với giá đất thì UBND huyện B áp dụng giá đất theo quy định của UBND và Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND huyện không có quyền đưa ra giá; đây là dự án nhỏ dưới 2ha, nên theo quy định của Luật xây dựng không nhất thiết phải lập bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Do đó, bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật, UBND huyện B nhất trí như bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

- Bà Lê Thị A9 đại diện theo ủy quyền cho bà A5 trình bày: Việc thu hồi đất của UBND huyện B không vì mục đích công cộng, phía UBND huyện cũng không đầu tư dự án gì; phía UBND huyện B cho rằng dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 30, nhưng quyết định thu hồi đất không căn cứ Nghị quyết số 30; chưa tiến hành kiểm đếm tài sản thì đã san ủi mặt bằng; UBND huyện B cho rằng căn cứ vào Điều 64, 65 Luật đất đai là không đúng; việc thu hồi đất bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân khi không còn đất để canh tác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông ông A trình bày:* Việc UBND huyện B ban hành các Quyết định 1009, 1010 là không có căn cứ, trái quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không thu thập chứng cứ theo yêu cầu của người khởi kiện; Thông báo thu hồi đất của UBND huyện B không căn cứ vào Nghị quyết số 30, nhưng lại căn cứ Điều 67 Luật đất đai, UBND huyện B đã không ban hành kế hoạch thu hồi đất; trình tự thu hồi đất không đúng quy định, không điều tra, khảo sát, gửi thông báo cho người bị thu hồi; việc thẩm định phương án bồi thường không đúng quy định, không thỏa thuận giá với người dân; hồ sơ pháp lý khi thu hồi đất không đúng, không đầy đủ theo quy định; những người dân không được hưởng lợi gì từ dự án này. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông A, hủy một phần các Quyết định số 1009, 1010 và hủy toàn bộ Quyết định số 2068.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B trình bày:* Việc ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đảm bảo

đúng quy định của pháp luật, quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông bà để hủy quyết định của UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là các Quyết định số 1009/QĐ-UBND, Quyết định số 1010/QĐ-UBND cùng ngày 09/4/2019 của UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 27/11/2019 ông Lê Văn A nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là đang trong thời hạn một năm, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền, hoặc đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang. Thực hiện Quyết định số 783/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016 của UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: GPMB, đầu tư hạ tầng các khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện năm 2018; căn cứ Quyết định số 869/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về một số điểm cụ thể về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1009, Quyết định số 1010 về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với điện tích đất của gia đình ông A, để thực hiện dự xây dựng khu dân cư mới Thôn B2, xã B1, huyện B (đợt 2) là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

[4] Để tiến hành thu hồi đất UBND huyện B đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Theo đó, đã ban hành kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 02/11/2018; ban hành Thông báo số 378/TB-UBND ngày 29/10/2018 về việc thu hồi đất, Thông báo số 446/TB-UBND ngày 28/12/2018 về việc đính chính thông báo số 378; tiến hành hội nghị về việc triển khai thông báo chủ trương thu hồi đất và tổ chức phổ biến, giải thích, tuyên truyền pháp luật về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư; ban hành Thông báo kiểm tra hiện trạng đất số 82/TB-UBND ngày 30/11/2018; ban hành quyết định về phê duyệt giá đất cụ thể, cũng như niêm yết công khai các văn bản nêu trên; sau đó tổ chức hội nghị lấy ý kiến, tiến hành thủ tục xác định chủ sử dụng đất, nguồn gốc đất, diện tích đất và tiến hành niêm yết công khai; ngày 11/3/2019 tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Lê Văn A. Như vậy, về trình tự thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã được UBND huyện B tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau khi thực hiện các bước, ngày 29/3/2019 ông Lê Văn A đã có văn bản gửi UBND xã B1 không đồng ý việc thu hồi đất, nhưng đã được UBND xã B1 giải quyết bằng văn bản số 38/UBND-ĐCXD ngày 04/4/2019.

[5] Về diện tích đất gia đình ông A bị thu hồi được xác định là 244,1m^2, địa chỉ tại Thôn B2, xã B1, huyện B thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 4 xứ đồng Bờ Lờ, nguồn gốc sử dụng đất là đất nông nghiệp sử dụng ổn định từ năm 1992. Ông A cũng thừa nhận diện tích, địa chỉ thửa đất bị thu hồi là đúng, nhưng theo ông số thửa đất ông được cấp GCNQSD đất là 06, tờ bản đồ số 11 có diện tích toàn thửa là 368m^2 (thực tế đo được 452m^2). Tuy có sự không trùng khớp về số thửa và số tờ bản đồ, nhưng cùng địa chỉ; hơn nữa số thửa theo ông A là theo hồ sơ cấp GCNQSD đất, còn số thửa khi thu hồi đất là theo hồ sơ đồ đơn vị tư vấn lập để phục vụ cho công tác thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng. Dó đó, thực chất chỉ là một thửa.

[6] Đối với việc xác định chủ sử dụng đất và giá trị bồi thường, thấy: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, cũng như phía ông A cho rằng nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là của gia đình ông A sử dụng từ năm 1992, đến năm 1999 được cấp GCNQSD đất nên theo quy định của pháp luật việc thu hồi đất là thu hồi đất của hộ gia đình, nên ông Lê Văn A là người đại diện cho hộ gia đình, việc bồi thường cho hộ gia đình thông qua người đại diện thực hiện, cũng như ông A cho rằng trong diện tích đất bị thu hồi có di sản của mẹ ông để lại, nhưng UBND huyện B chưa xác định kỷ phần của các thừa kế để bồi thường. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì việc thu hồi đất xác định ông A là người đại diện cho hộ gia đình, nên các thành viên trong hộ gia đình cũng như các đồng thừa kế nếu có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Đối với việc áp giá để bồi thường, Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND huyện B căn cứ các quy định tại Quyết định số 861/2014/QĐ-UBND, ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Băc Giang về việc ban hành bảng giá đất giai đoạn 2015 - 2019; Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 01/01/2016 về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể; Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2018. Theo đó, giá đất trên địa bàn thu hồi đất được quy định là 50.000đ/1m^2, UBND huyện B áp dụng giá đất này để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông A là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Đối với quyết định cưỡng chế, cũng như yêu cầu khôi phục nguyên hiện trạng, bồi thường thiệt hại, thấy: Như đã phân tích trên thì việc UBND huyện B, tỉnh Bắc Giang đã ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ ông Lê Văn A là đúng quy định của pháp luật, nhưng do gia đình ông A không tự nguyên chấp hành nên buộc Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định cưỡng chế, cũng như tổ chức cưỡng chế để thu hồi đất là đúng quy định pháp luật; quá trình tổ chức cưỡng chế đã thực hiện đúng trình tự theo quy định về cưỡng chế, nên yêu cầu này của ông A không có căn cứ để chấp nhận.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A là có căn cứ, phù hợp với pháp luật; quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới đáng kể nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị A1, anh Lê Văn A2 và chị Lê Thị A3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các bên lai số 0000814, 0000815, 0000817 và số 0000818 cùng ngày 23/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang; xác nhận ông A, bà A1, anh A2 và chị A3 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm